



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ**  
**AN PHU IRRADIATION JOINT – STOCK COMPANY**  
Địa chỉ: KP 1B, P. An Phú, TX. Thuận An, T. Bình Dương  
Điện thoại: +84 (650) 3712292 Fax: +84 (650) 3712293

---

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUÝ I NĂM 2012**

CÔNG TY CP CHIỀU XẠ AN PHÚ  
 KP 1B, phường An Phú, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>37,080,955,559</b>	<b>50,651,557,405</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>VI.1</b>	<b>4,279,200,547</b>	<b>2,321,696,511</b>
1. Tiền	111		4,279,200,547	2,321,696,511
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>30,227,764,252</b>	<b>45,247,776,682</b>
1. Phải thu khách hàng	131	VI.2	22,584,385,000	18,415,899,476
2. Trả trước cho người bán	132	VI.3	5,069,656,499	23,881,653,194
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	425,347,681
4. Các khoản phải thu khác	135	VI.4	2,573,722,753	2,524,876,331
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>299,539,078</b>	<b>915,231,278</b>
1. Hàng tồn kho	141	VI.5	299,539,078	915,231,278
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2,274,451,682</b>	<b>2,166,852,934</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.6	62,167,362	85,422,159
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		644,888,886	537,928,932
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.7	1,567,395,434	1,542,057,037
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>233,004,136,010</b>	<b>221,873,259,316</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>163,366,157,751</b>	<b>163,271,972,590</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.8	130,718,940,533	130,361,655,373
<i>Nguyên giá</i>	222		173,086,776,939	169,374,948,030
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(42,367,836,406)	(39,013,292,657)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.9	32,430,634,098	32,667,372,617
<i>Nguyên giá</i>	228		34,417,854,326	34,417,854,326
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,987,220,228)	(1,750,481,709)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.10	216,583,120	242,944,600
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh báo cáo tài chính

**CÔNG TY CP CHIẾU XẠ AN PHÚ**  
 KP 1B, phường An Phú, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

1.	Nguyên giá	241	-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế	242	-	-
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>3,029,347,681</b>	<b>2,304,000,000</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251 VI.11	3,029,347,681	2,304,000,000
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>66,608,630,578</b>	<b>56,297,286,726</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261 VI.12	66,307,890,201	55,997,499,353
2.	Tài sản dài hạn khác	268	300,740,377	299,787,373
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>270,085,091,569</b>	<b>272,524,816,721</b>

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A -</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>113,340,701,590</b>	<b>119,557,972,302</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>45,335,473,784</b>	<b>51,551,318,496</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311 VI.13		26,779,171,459	25,549,282,711
2.	Phải trả người bán	312 VI.14		5,596,308,390	1,745,910,303
3.	Người mua trả tiền trước	313		53,419,612	25,093,025
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314 VI.15		3,515,060,996	2,465,959,048
5.	Phải trả người lao động	315 VI.16		1,040,882,685	2,994,461,535
6.	Chi phí phải trả	316 VI.17		6,476,496,064	15,712,754,381
7.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319 VI.18		715,823,021	954,613,936
8.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	323 VI.19		1,158,311,557	2,103,243,557
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>68,005,227,806</b>	<b>68,006,653,806</b>
1.	Vay và nợ dài hạn	334 VI.20		67,969,461,110	67,969,361,110
2.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336 VI.21		35,766,696	37,292,696
<b>B -</b>	<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>156,744,389,979</b>	<b>152,966,844,419</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410 VI.22</b>		<b>156,744,389,979</b>	<b>152,966,844,419</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		114,480,000,000	114,480,000,000
2.	Cổ phiếu quỹ	414		(74,000,000)	(74,000,000)

*Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh báo cáo tài chính*



CÔNG TY CP CHIẾU XẠ AN PHÚ  
KP 1B, phường An Phú, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.546,952,146	5,546,952,146
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	3,722,282,579	3,722,282,579
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	413,224	413,224
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	33.068,742,030	29,291,196,470
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>270,085,091,569</b>	<b>272,524,816,721</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		18,727.41	54,233.93

Bình Dương, ngày 25 tháng 04 năm 2012



Vương Đình Khoát - Tổng Giám đốc

Nguyễn Đắc Đoàn - Kế toán trưởng

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CP CHIẾU XÁ AN PHÚ  
 KP 1B, phường An Phú, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Quý 1 Năm 2012

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1-2012		Quý 1-2011		Lũy kế năm nay		Lũy kế năm trước	
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		22.496.268.230	30.448.427.942	22.496.268.230	30.448.427.942	0	30.448.427.942	0	30.448.427.942
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	0	0	0	0	0	0	0
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VIII.1	22.496.268.230	30.448.427.942	22.496.268.230	30.448.427.942	0	30.448.427.942	0	30.448.427.942
4 Giá vốn hàng bán	11	VIII.2	11.631.290.918	15.003.597.513	11.631.290.918	15.003.597.513	0	15.003.597.513	0	15.003.597.513
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.864.977.312	15.444.830.429	10.864.977.312	15.444.830.429	0	15.444.830.429	0	15.444.830.429
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VIII.3	41.993.789	3.256.782.356	41.993.789	3.256.782.356	0	3.256.782.356	0	3.256.782.356
7 Chi phí tài chính	22	VIII.4	3.237.752.048	28.249.800	3.237.752.048	28.249.800	0	28.249.800	0	28.249.800
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		3.176.602.385	0	3.176.602.385	0	0	0	0	0
8 Chi phí bán hàng	24		1.042.770.943	5.706.403.422	1.042.770.943	5.706.403.422	0	5.706.403.422	0	5.706.403.422
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.733.125.987	1.295.307.626	1.733.125.987	1.295.307.626	0	1.295.307.626	0	1.295.307.626
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.893.322.123	11.671.651.937	4.893.322.123	11.671.651.937	0	11.671.651.937	0	11.671.651.937
11 Thu nhập khác	31		9.492.842	4.500.000	9.492.842	4.500.000	0	4.500.000	0	4.500.000
12 Chi phí khác	32		42.133.015	0	42.133.015	0	0	0	0	0
13 Lợi nhuận khác	32		42.133.015	0	42.133.015	0	0	0	0	0
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40		(32.640.173)	4.500.000	(32.640.173)	4.500.000	0	4.500.000	0	4.500.000
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	50		4.860.681.950	11.676.151.937	4.860.681.950	11.676.151.937	0	11.676.151.937	0	11.676.151.937
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	51	VI.15	972.136.390	1.652.570.077	972.136.390	1.652.570.077	0	1.652.570.077	0	1.652.570.077
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại	52		0	0	0	0	0	0	0	0
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.888.545.560	10.023.581.860	3.888.545.560	10.023.581.860	0	10.023.581.860	0	10.023.581.860
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có phần cổ phiếu	70		340	876	340	876	0	876	0	876

Ngày lập báo cáo: 25 tháng 04 năm 2012



Vương Đình Khoát - Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Đoàn - Kế toán trưởng

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh báo cáo tài chính



CÔNG TY CP CHIỀU XẠ AN PHÚ  
 KP 1B, phường An Phú, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		4,860,681,950	34,852,462,802
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3,591,282,268	9,039,410,993
- Các khoản dự phòng	03			-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(41,993,789)	(354,475,386)
- Chi phí lãi vay	06		3,176,602,385	3,221,974,194
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		<u>11,586,572,814</u>	<u>46,759,372,603</u>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		15,020,012,430	(9,996,377,847)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		615,692,200	(653,113,358)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(7,717,270,399)	(2,001,146,530)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(10,287,136,051)	(24,558,354,201)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(3,176,602,385)	(3,221,974,194)
- Thuế thu nhập đã nộp	14		-	(1,962,864,568)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(944,932,000)	1,911,565,600
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<u>5,096,336,609</u>	<u>6,277,107,505</u>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3,685,467,429)	(66,021,798,759)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			-
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2,975,000,000)	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2,975,000,000	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(725,347,681)	(2,304,000,000)

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CP CHIẾU XẠ AN PHÚ  
KP 1B, phường An Phú, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	41,993,789	354,475,386	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(4,368,821,321)</b>	<b>(67,971,323,373)</b>	
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(15,000,000)	
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	12,481,988,748	94,552,784,992	
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(11,252,000,000)	(12,980,973,202)	
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22,881,200,000)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>1,229,988,748</b>	<b>58,675,611,790</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>1,957,504,036</b>	<b>(3,018,604,078)</b>	
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>2,321,696,511</b>	<b>5,340,300,589</b>	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>VI.1</b>	<b>4,279,200,547</b>	<b>2,321,696,511</b>

Bình Dương, ngày 25 tháng 04 năm 2012



Vương Đình Khoát - Tổng Giám đốc

Nguyễn Đắc Đoàn - Kế toán trưởng

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

---

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2012

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính quý 1 năm 2012 riêng của Công ty Cổ Phần Chiếu xạ An Phú (gọi tắt là Công ty).

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
  - Chiếu xạ khử trùng các loại thủy hải sản, các loại dụng cụ y tế;
  - Dịch vụ bảo quản rau quả đông lạnh;
  - Dịch vụ bảo quản các loại thực phẩm;
  - Chiếu xạ bảo quản các loại sản phẩm công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác;
  - Mua bán thủy hải sản, các sản phẩm từ thịt, hàng nông sản các loại;
  - Đầu tư tài chính về cổ phiếu, cổ phần./.

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là năm tài chính thứ 10 của Công ty.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 161/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi lập Báo cáo: Ngày 31/12/2011: 20.828 VND/USD

Ngày 31/03/2012: 20.828 VND/USD



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ**

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### **III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

#### **2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

### **IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

### **V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

#### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

#### **3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

#### **4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp hạch toán: Kế khai thường xuyên.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### **5. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Công cụ, dụng cụ được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

#### **6. Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

##### ***Nguyên tắc đánh giá***

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong kỳ.

### **Phương pháp khấu hao áp dụng**

TSCĐ khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

Số năm khấu hao của các nhóm Tài sản cố định như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-25
Máy móc thiết bị	06-10
Phương tiện vận tải	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05
Quyền sử dụng đất có thời hạn	20-50

### **7. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí mua nguồn xạ dự trữ để xử lý chiếu xạ được phân bổ dần vào chi phí trong kỳ theo khối lượng tiêu hao thực tế.

Các chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 60 tháng.

### **8. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí lãi vay đầu tư xây dựng Nhà máy chiếu xạ An Phú Bình Minh được ngưng vốn hóa từ tháng 10 năm 2011, khi Nhà máy bắt đầu hoạt động kinh doanh bình thường.

### **9. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo Hóa đơn, chứng từ.

### **10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ**

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán bổ sung vào chi phí.

### **11. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### **12. Nguồn vốn kinh doanh – quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và các quy chế của Công ty.

### **13. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Hiện tại, Công ty đang được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN như sau:

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trong 10 năm kể từ năm 2005 theo công văn số 2564/CT-TT&HT ngày 20/04/2006 của Cục thuế tỉnh Bình Dương.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 2564/CT-TT&HT ngày 20/04/2006 của Cục thuế tỉnh Bình Dương.

Năm 2012 là năm thứ 1 Công ty bắt đầu chịu áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

### **14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng:***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ**

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ:***

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính:***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí**

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

### **16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ**

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>(a) Tiền mặt</b>	<b>1,424,199,593</b>	<b>445,147,557</b>
Tiền mặt VND	1,424,199,593	445,147,557
Tiền mặt USD	-	-
<b>(b) Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>2,855,000,954</b>	<b>1,381,548,954</b>
Ngân hàng TM CP Ngoại thương Việt Nam	2,278,940,091	1,071,027,287
- Tiền VND	2,230,821,054	1,022,925,990
- Tiền VND phong tỏa	9,749,751	9,680,926
- Tiền USD quy đổi VND	38,369,286	38,420,371
Ngân hàng VIB	6,691,811	6,691,811
- Tiền VND	6,691,811	6,691,811
- Tiền USD quy đổi VND	-	-
Ngân hàng Techcombank	1,799,868	1,799,868
- Tiền VND	1,799,868	1,799,868
- Tiền USD quy đổi VND	-	-
Ngân hàng VDSC	1,000,241	1,000,241
- Tiền VND	1,000,241	1,000,241
- Tiền USD quy đổi VND	-	-
Ngân hàng Navibank	3,263,724	3,286,450
- Tiền VND	-	-
- Tiền USD quy đổi VND	3,263,724	3,286,450
Ngân hàng Phương Nam	17,328,273	17,328,273
- Tiền VND	14,822,249	14,822,249
- Tiền USD quy đổi VND	2,506,024	2,506,024
Ngân hàng SHB	22,642,499	22,552,198
- Tiền VND	9,385,269	9,326,210
- Tiền USD quy đổi VND	13,257,230	13,225,988
Ngân hàng SHN	523,334,447	257,862,826

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ**

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

- Tiền VND	190,698,611	81,942,741
- Tiền USD quy đổi VND	332,635,836	175,920,085
(c) Khoản tương đương tiền	-	495,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn 1 tuần		
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	<u>4,279,200,547</u>	<u>2,321,696,511</u>

**2. Phải thu của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng Việt Nam	20,160,708,175	16,191,564,334
Khách hàng Nước ngoài	2,423,676,825	2,224,335,142
<b>Cộng</b>	<u>22,584,385,000</u>	<u>18,415,899,476</u>

**3. Trả trước người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty CP XD Cao Su Đồng Nai		679,816,717
- Công ty CP TV TM DV Địa ốc Hoàng Quân Mêkông	46,739,738	-
- Công ty CP TV TK lập dự toán Phong Thái	740,220,600	-
- Hungaroster co., Ltd		16,078,733,415
- Cty TNHH TM DV Kỹ Thuật Mặt Trời		1,013,991,500
- Công ty TNHH TM DV PCCC Thái Bình Thịnh		530,551,478
- Cty TNHH Cơ điện lạnh Lê Quốc		292,122,705
- Công ty TNHH TM & SX Tân Phương Phát	353,326	1,066,870,786
- Cty TNHH XD Nhà thép Liên Việt	1,742,150,000	1,642,050,000
- Công ty TNHH Việt Phúc Hưng	400,000,000	100,000,000
- Công ty TNHH TVXD Trần Nguyễn	1,107,300,000	1,007,300,000
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Kiên Giang		



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ**

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	274,954,000	274,954,000
- Các đối tượng khác	757,938,835	1,195,262,593
<b>Cộng</b>	<b>5,069,656,499</b>	<b>23,881,653,194</b>
<b>4. Phải thu khác</b>		
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
An Phú Bình Minh	169,145,025	169,145,025
Công Đoàn Công ty API	217,760,000	217,760,000
Đối tượng khác chưa chi tiết	28,557,297	28,557,297
Bộ nông nghiệp Hoa Kỳ	2,157,032,572	2,103,446,172
Nguyễn Thị Hồng Thúy	-	2,222,131
Bảo hiểm xã hội Bình Dương	1,227,859	3,204,270
Đối tượng khác	-	541,436
<b>Cộng</b>	<b>2,573,722,753</b>	<b>2,524,876,331</b>
<b>5. Hàng tồn kho</b>		
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Nguyên vật liệu chính	-	47,342,500
Nguyên vật liệu phụ	34,863,091	64,659,091
Phụ tùng thay thế	43,254,000	43,254,000
Công cụ, dụng cụ	115,818,386	300,074,307
Bao bì luân chuyển	105,603,601	449,149,583
Chi phí SXKD dở dang - Thanh Long	-	5,594,923
Chi phí SXKD dở dang - Xoài	-	5,156,874
<b>Cộng</b>	<b>299,539,078</b>	<b>915,231,278</b>
<b>6. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công cụ, dụng cụ	15,000,592	28,598,201
Cước internet	2,000,000	8,000,000
Bảo hiểm tài sản	45,166,770	48,823,958
<b>Cộng</b>	<b>62,167,362</b>	<b>85,422,159</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ**

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**7. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Tạm ứng</i>	734,275,434	684,052,797
<i>Tài sản thiếu chờ xử lý</i>	-	-
Kiểm kê vật tư thiếu chờ xử lý		
Các đối tượng khác		
<i>Ký quỹ ngắn hạn</i>	833,120,000	858,004,240
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	833,120,000	858,004,240
<b>Cộng</b>	<b><u>1,567,395,434</u></b>	<b><u>1,542,057,037</u></b>

**8. Tài sản cố định hữu hình**

<i>Chi tiêu</i>	<i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị, Dụng cụ quản lý</i>	<i>Cộng TSCĐ hữu hình</i>
<b>I. Nguyên giá</b>					
1. Số đầu năm	80,904,672,973	76,857,988,156	10,656,328,995	955,957,906	169,374,948,030
2. Tăng trong năm	-	4,315,162,000	-	42,318,181	4,357,480,181
<i>Mua sắm mới</i>				42,318,181	42,318,181
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>		4,315,162,000			4,315,162,000
3. Giảm trong năm	645,651,272				645,651,272
<b>4. Số cuối năm</b>	<b><u>80,259,021,701</u></b>	<b><u>81,173,150,156</u></b>	<b><u>10,656,328,995</u></b>	<b><u>998,276,087</u></b>	<b><u>173,086,776,939</u></b>
<b>II. Hao mòn lũy kế</b>					
1. Số đầu năm	13,561,442,591	23,521,622,590	1,558,994,090	371,233,386	39,013,292,657
2. Tăng trong năm	1,063,493,700	2,028,009,138	233,354,022	29,686,889	3,354,543,749
<i>Khấu hao trong năm</i>	1,063,493,700	2,028,009,138	233,354,022	29,686,889	3,354,543,749
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>4. Số cuối năm</b>	<b><u>14,624,936,291</u></b>	<b><u>25,549,631,728</u></b>	<b><u>1,792,348,112</u></b>	<b><u>400,920,275</u></b>	<b><u>42,367,836,406</u></b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Số đầu năm	67,343,230,382	53,336,365,566	9,097,334,905	584,724,520	130,361,655,373
<b>2. Số cuối năm</b>	<b><u>65,634,085,410</u></b>	<b><u>55,623,518,428</u></b>	<b><u>8,863,980,883</u></b>	<b><u>597,355,812</u></b>	<b><u>130,718,940,533</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ**

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**9. Tài sản cố định vô hình**

Tình hình tăng giảm tài sản trong kỳ như sau:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Phần mềm quản lý khho lạnh</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Cộng tài sản vô hình</i>
<b>I. Nguyên giá</b>			
1. Số đầu năm	156,818,182	34,261,036,144	34,417,854,326
2. Tăng trong năm	-	-	-
<i>Mua sắm mới</i>			-
<i>Xây dựng cơ bản</i>			-
3. Giảm trong năm	-	-	-
<b>4. Số cuối năm</b>	<b>156,818,182</b>	<b>34,261,036,144</b>	<b>34,417,854,326</b>
<b>II. Hao mòn lũy kế</b>			
1. Số đầu năm	37,722,745	1,712,758,964	1,750,481,709
2. Tăng trong năm	5,913,068	230,825,451	236,738,519
<i>Khấu hao trong năm</i>	5,913,068	230,825,451	236,738,519
3. Giảm trong năm	-	-	-
<b>4. Số cuối năm</b>	<b>43,635,813</b>	<b>1,943,584,415</b>	<b>1,987,220,228</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
1. Số đầu năm	119,095,437	32,548,277,180	32,667,372,617
<b>2. Số cuối năm</b>	<b>113,182,369</b>	<b>32,317,451,729</b>	<b>32,430,634,098</b>
<b>2. Số cuối năm</b>	<b>119.095.437</b>	<b>32.548.277.180</b>	<b>32.667.372.617</b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã thế chấp đảm bảo nợ vay 34.261.036.144

**10. Chi phí xây dựng cơ bản**

Gồm các hạng mục sửa chữa, cải tạo nhà máy tại Bình Dương:

<b>Số đầu năm:</b>	<b>242.944.600 VND</b>
Đầu tư thêm trong kỳ:	39.638.520 VND
Kết chuyển Tài sản cố định trong kỳ (*):	66.000.000 VND
Kết chuyển chi phí trả trước dài hạn:	0 VND
<b>Số cuối năm:</b>	<b>216.583.120 VND</b>

(\*) Chi tiết TSCĐ tăng trong năm:

2. Máy móc thiết bị	66.000.000 VND
<b>Cộng</b>	<b>66.000.000 VND</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ**

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**11. Đầu tư vào Công ty con**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty An Phú Bình Minh	3,029,347,681	2,304,000,000
	<u><b>3,029,347,681</b></u>	<u><b>2,304,000,000</b></u>

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguồn xạ	62,974,144,381	52,470,503,170
Chi phí chương trình chiếu xạ trái cây	1,128,109,067	1,289,267,504
Chi phí sửa chữa xe Grown	92,902,085	117,108,346
Chi phí sửa chữa nhà ăn, nhà vệ sinh		13,283,643
Chi phí sửa chữa cửa kho lạnh	8,333,323	13,333,324
Tiền thuê đất	13,940,716	14,546,833
Palet cho kho lạnh	22,666,653	40,541,655
Chi phí trước hoạt động dự Án APBM	1,700,294,227	1,700,294,227
Các chi phí khác	367,499,749	338,620,651
<b>Cộng</b>	<u><b>66,307,890,201</b></u>	<u><b>55,997,499,353</b></u>

**13. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Vay thêm trong năm</u>	<u>Thanh toán trong năm</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá lãi cuối kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>11,969,752,813</b>	<b>12,481,888,748</b>	<b>11,252,000,000</b>	<b>-</b>	<b>13,199,641,561</b>
Vay Ngân hàng Navibank (VND)	1,555,752,813	2,875,399,187	838,000,000		3,593,152,000
Vay Ngân hàng Navibank (USD)	-				-
Vay NH SHN (VND)	-				-
Vay NH SHN (USD)	10,414,000,000	9,606,489,561	10,414,000,000		9,606,489,561



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ**

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>13,579,529,898</b>	-	-	-	<b>13,579,529,898</b>
Vay Ngân hàng Navibank (VND)	5,300,000,000				5,300,000,000
Vay Ngân hàng Navibank (USD)	8,279,529,898				8,279,529,898
<b>Cộng</b>	<b>25,549,282,711</b>	<b>12,481,888,748</b>	<b>11,252,000,000</b>		<b>26,779,171,459</b>

Các khoản vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động, cho hoạt động kinh doanh.

**14. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP XD Cao Su đồng Nai	2,407,781,283	-
Cty TNHH Cơ điện lạnh Lê Quốc	1,516,219,584	-
Hungaroster co., Ltd	833,120,000	-
Cty TNHH TM DV Kỹ Thuật Mặt Trời	300,514,900	-
Công ty TNHH TM DV PCCC Thái Bình Thịnh	152,368,522	-
ECKERT - ZIEGLER NUCLITEC	64,045,800	64,045,800
Công ty CP Tân Tấn Lộc	55,786,500	133,170,400
Công ty TNHH Phan Hoàng Phát	49,960,000	119,920,000
Huỳnh Thị Thu Thủy	46,770,000	-
Công ty TNHH NVN	36,715,008	36,715,008
Công ty TNHH Kiểm Toán Tư Vấn đất Việt	35,200,000	-
Công ty TNHH TM DV KT P.S.L	32,661,420	32,858,232
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Điện Toàn Thịnh Phát	28,220,249	328,220,249
DNTN xăng dầu Lai Uyên Hai	16,320,000	33,200,000
Các đối tượng khác	20,625,124	96,915,668
<b>Cộng</b>	<b>5,596,308,390</b>	<b>1,745,910,303</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ**

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**15. Các khoản phải nộp nhà nước**

STT	Chỉ tiêu	Số còn phải nộp đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số còn phải nộp cuối kỳ
<b>I</b>	<b>Thuế</b>	<b>2,454,316,251</b>	<b>1,053,546,754</b>	<b>3.000.000</b>	<b>3,504,863,005</b>
	Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
1	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(1,444,806)	1,444,806	-	-
2	Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-	-
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,114,459,945	972,136,390	-	3,086,596,335
4	Các loại thuế khác	341,301,112	79,965,558	-	418,266,670
	- Thuế Thu nhập cá nhân	341,301,112	76,965,558	-	418,266,670
	- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>II</b>	<b>Các khoản phải nộp khác</b>	<b>10,197,991</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10,197,991</b>
	Các khoản phí, lệ phí	10,197,991	-	-	10,197,991
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2,464,514,242</b>	<b>1,053,546,754</b>	<b>3.000.000</b>	<b>3,515,060,996</b>

• **Thuế giá trị gia tăng**

- Công ty áp dụng Luật Thuế Giá trị gia tăng theo quy định hiện hành
- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ
- Thuế suất áp dụng:

+ Doanh thu hàng xuất khẩu	:	0 %
+ Doanh thu dịch vụ xử lý hàng nông, lâm thủy hải sản chưa qua sơ chế	:	10%
+ Doanh thu hàng hóa, dịch vụ khác	:	10%

• **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem thuyết minh số (V.14)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>
- Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.860.681.9502



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ**

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	4.860.681.9502
<i>Trong đó: + Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính (20%)</i>	4.860.681.9502
<i>+ Thu nhập từ thu nhập khác lỗ nên bù trừ vào hoạt động chính</i>	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp Theo thuế suất ưu đãi	972.136.390
-	
-	
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>972.136.390</b>

• **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm soát của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

<b>16. Phải trả người lao động</b>	<b>1.040.882.685</b>
Quỹ lương tháng 3/2012 của CB-CBV, BKS.	

**17. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trích trước chi phí đầu tư xây dựng nhà máy chiếu xạ An Phú Bình Minh theo Hợp đồng với nhà thầu	6.459.306.064	15.695.564.381
- Chi phí khác	17.190.000	17.190.000
<b>Cộng</b>	<b>6.476.496.064</b>	<b>15.712.754.381</b>

**18. Phải trả, phải nộp khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	93,424,329	125,674,688
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	176,951,570	443,797,220
Chia cổ tức năm 2009	56,395,625	41,490,000
Chia cổ tức năm 2010	104,000	(9,641,000)
Thù lao HDQT	164,194,091	164,194,091
Trần Văn Ngoan	50,000,000	50,000,000
Công ty TNHH MTV An Phú Bình Minh - Cty con	24,753,406	24,753,406

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ**

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty CP Chế Biến Thủy Hải Sản Sơn Sơn		91,830,435
Ngô Văn Lý	150,000,000	
Các đối tượng khác		22,515,096
<b>Cộng</b>	<b>715,823,021</b>	<b>954,613,936</b>

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
- Quỹ khen thưởng	1.515.552.300		930.932.000	584.620.300
- Quỹ phúc lợi	587.691.257		14.000.000	573.691.257
- Quỹ thưởng ban điều hành quản lý	413.224	-		413.224
<b>Cộng</b>	<b>2.103.656.781</b>		<b>933.320.000</b>	<b>1.158.724.781</b>

**20. Vay và nợ dài hạn**

	Số đầu năm	Vay thêm trong năm	Nợ dài hạn đến hạn trả	Số cuối kỳ
Vay Ngân hàng Navibank (VND)	28.699.900.000			28.699.900.000
Vay Ngân hàng Navibank (USD)	39.269.461.110	100.000		39.269.561.110
<b>Cộng</b>	<b>67.969.361.110</b>	<b>100.000</b>		<b>67.969.461.110</b>

Các khoản vay dài hạn chi tiết như sau:

- *Hợp đồng vay* : Số 007/10/HDTD/101-54 ngày 12 tháng 10 năm 2010
  - + Hạn mức vay : 40.000.000.000 VND
  - + Lãi vay : 17%/năm
  - + Thời hạn vay : 72 tháng
  - + Ngày trả nợ gốc đầu tiên: 25/22/1011, mỗi kỳ trả 4.000.000.000 tỷ, 6 tháng/ 1 kỳ
  - + Mục đích vay : Thanh toán tiền thuê đất tại KCN Bình Minh tỉnh Vĩnh Long.
  - + Tài sản đảm bảo : Quyền sử dụng đất lô 1C-2C KCN Bình Minh tỉnh Vĩnh Long.
- *Hợp đồng vay* : Số HD 027/10/HDTD/101-54 ngày 04 tháng 07 năm 2011
  - + Hạn mức vay : 1.282.000 USD
  - + Lãi vay : 6.5%/năm
  - + Thời hạn vay : 72 tháng



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ**

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

- + Ngày trả nợ gốc đầu tiên: 04/07/2012, mỗi kỳ trả 128.200 USD, 6 tháng/ 1 kỳ
- + Mục đích vay : Thanh toán tiền nhập khẩu máy chiếu xạ.
- + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- *Hợp đồng vay* : *Số HD 004/11/HDTD/101-54 ngày 07 tháng 01 năm 2011*
  - + Hạn mức vay : 410.260 USD
  - + Lãi vay : 6.5%/năm
  - + Thời hạn vay : 72 tháng
  - + Ngày trả nợ gốc đầu tiên: 07/07/2011, mỗi kỳ trả 41.025,6 USD, 6 tháng/ 1 kỳ
  - + Mục đích vay : Mua sắm Máy móc thiết bị.
  - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- *Hợp đồng vay* : *Số HD 036/11/HDTD/101-54 ngày 22 tháng 04 năm 2011*
  - + Số tiền vay : 463.080,00 USD
  - + Lãi vay : 6.5%/năm
  - + Thời hạn vay : 72 tháng
  - + Mục đích vay : Mua sắm Máy móc thiết bị.
  - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

**21. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

- Số dư đầu năm		37.292.696
- Số trích lập trong kỳ		-
- Số chi trong kỳ	1.526.000	
<b>Số cuối năm</b>	<u><u>35.766.696</u></u>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ**

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

**22. Nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm trước						
Số dư đầu năm trước	114,480,000,000	5,546,952,146	3,722,282,579	413,224	22,916,611,850	146,607,259,799
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	32,412,790,405	32,412,790,405
Tăng khác	-	-	-	-	-	(15,000,000)
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	-	(2,593,023,232)	(2,593,023,232)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(22,881,200,000)	(22,881,200,000)
Chi quỹ trong năm	-	-	-	-	(563,982,553)	(563,982,553)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>114,480,000,000</b>	<b>5,546,952,146</b>	<b>3,722,282,579</b>	<b>413,224</b>	<b>29,291,196,470</b>	<b>152,966,844,419</b>
Năm nay						
Số dư đầu năm nay	114,480,000,000	5,546,952,146	3,722,282,579	413,224	29,291,196,470	152,966,844,419
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	3,888,545,560	3,888,545,560
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(3,000,000)	(3,000,000)
Chi quỹ trong năm	-	-	-	-	(108,000,000)	(108,000,000)
<b>Tổng cộng</b>	<b>114,480,000,000</b>	<b>5,546,952,146</b>	<b>3,722,282,579</b>	<b>413,224</b>	<b>33,068,742,030</b>	<b>156,744,389,979</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ**  
 Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

*Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn đầu tư của Công ty Nhà Nước	14.837.820.000	14.837.820.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	99.642.180.000	99.642.180.000
<b>Cộng</b>	<b><u>114.480.000.000</u></b>	<b><u>114.480.000.000</u></b>

(\*) Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2011 là 7.400 CP

*Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	114.480.000.000	114.480.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	114.480.000.000	114.480.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	22.881.200.000

*Cổ phiếu*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.448.000	11.448.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.448.000	11.448.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.448.000</i>	<i>11.448.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	7.400	7.400
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>7.400</i>	<i>7.400</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.440.600	11.440.600
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.440.600</i>	<i>11.440.600</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

*Lãi cơ bản trên cổ phiếu:*

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.888.545.560	10.023.581.860
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>3.888.545.560</b>	<b>10.023.581.860</b>
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.440.600	11.440.600
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>340</u></b>	<b><u>876</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ**

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này			
	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011	Năm 2012	Năm 2011
<b>23 - Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)</b>	<b>22,496,268,230</b>	<b>30,448,427,942</b>	<b>22,496,268,230</b>	<b>30,448,427,942</b>
Trong đó:				
- Doanh thu dịch vụ chiếu xạ	11,475,303,310	11,124,236,795	11,475,303,310	11,124,236,795
- Doanh thu dịch vụ cho thuê kho lạnh	704,896,194	611,012,803	704,896,194	611,012,803
- Doanh thu dịch vụ bốc xếp	319,519,956	358,259,843	319,519,956	358,259,843
- Doanh thu cho thuê tài sản và doanh thu khác	6,000,437,500	-	6,000,437,500	-
- Doanh thu bán lại vật tư hàng hóa	211,280,340	-	211,280,340	-
- Doanh thu bán thanh long	3,784,830,930	18,354,918,501	3,784,830,930	18,354,918,501
<i>Trong đó: Xuất khẩu trực tiếp (*)</i>	<i>532,749,690</i>	<i>18,354,918,501</i>	<i>532,749,690</i>	<i>18,354,918,501</i>
<i>Bán cho An Phú Bình Minh để xuất khẩu</i>	<i>3,252,081,240</i>	<i>-</i>	<i>3,252,081,240</i>	<i>-</i>
(*) Doanh thu xuất khẩu thanh long bằng ngoại tệ USD	25,524	896,877	25,524	896,877



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XÀ AN PHÚ**

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này			
	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011	Năm 2012	Năm 2011
<b>24 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)</b>	<b>22,496,268,230</b>	<b>30,448,427,942</b>	<b>22,496,268,230</b>	<b>30,448,427,942</b>
Trong đó:				
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hoá	3,996,111,270	18,354,918,501	3,996,111,270	18,354,918,501
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	18,500,156,960	12,093,509,441	18,500,156,960	12,093,509,441
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
<b>25 - Giá vốn hàng bán (Mã số 11)</b>	<b>Quý I năm 2012</b>	<b>Quý I năm 2011</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	2,797,481,956	9,850,949,555	2,797,481,956	9,850,949,555
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8,833,808,962	5,152,647,958	8,833,808,962	5,152,647,958
<b>Tổng cộng</b>	<b>11,631,290,918</b>	<b>15,003,597,513</b>	<b>11,631,290,918</b>	<b>15,003,597,513</b>
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
<b>26 - Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)</b>	<b>Quý I năm 2012</b>	<b>Quý I năm 2011</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	41,993,789	73,555,174	41,993,789	73,555,174
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		3,183,227,182	-	3,183,227,182
<b>Tổng cộng</b>	<b>41,993,789</b>	<b>3,256,782,356</b>	<b>41,993,789</b>	<b>3,256,782,356</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ**

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

- 27 - Chi phí tài chính (Mã số 22)**
- Lãi tiền vay
  - Lỗ do bán ngoại tệ
  - Chi phí tài chính khác
- Tổng cộng**

	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011	Năm 2012	Năm 2011
	3,176,602,385		3,176,602,385	-
	35,656,255		35,656,255	-
	25,493,408	28,249,800	25,493,408	28,249,800
	<b>3,237,752,048</b>	<b>28,249,800</b>	<b>3,237,752,048</b>	<b>28,249,800</b>

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

- 28 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)**
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành

- Tổng cộng

	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011	Năm 2012	Năm 2011
	972,136,390	1,652,570,077	972,136,390	1,652,570,077
	<b>972,136,390</b>	<b>1,652,570,077</b>	<b>972,136,390</b>	<b>1,652,570,077</b>

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

- 29 - Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
  - Chi phí nhân công
  - Chi phí khấu hao tài sản cố định
  - Chi phí dịch vụ mua ngoài
  - Chi phí khác bằng tiền

**Tổng cộng**

	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011	Năm 2012	Năm 2011
	2,731,113,164	8,903,956,285	2,731,113,164	8,903,956,285
	2,857,346,994	2,309,851,323	2,857,346,994	2,309,851,323
	3,591,282,268	1,835,982,447	3,591,282,268	1,835,982,447
	2,330,245,060	6,135,574,464	2,330,245,060	6,135,574,464
	2,721,604,432	3,190,862,314	2,721,604,432	3,190,862,314
	<b>14,231,591,918</b>	<b>22,376,226,833</b>	<b>14,231,591,918</b>	<b>22,376,226,833</b>

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ**  
Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin bổ sung

**IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin so sánh**

Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Đất Việt. Một số chỉ tiêu số đầu năm 2011 đã được phân loại lại cho phù hợp.

**2. Nghiệp vụ với các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV An Phú Bình Minh	Công ty con

*Các nghiệp vụ phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:*

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<b>Công ty TNHH MTV An Phú Bình Minh</b>		
Doanh thu cung cấp DV cho thuê TS	6.000.000.000	-
Giá vốn cung cấp DV cho thuê TS	2.669.166.801	-
Doanh thu cung cấp hàng hóa thanh long	3.252.081.240	-
Giá vốn cung cấp hàng hóa thanh long	2.627.041.436	-
Cấp vốn hoạt động	725.347.681	-
Chi hộ các khoản chi phí	-	-

*Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Công ty TNHH MTV An Phú Bình Minh</b>		
Nợ phải thu	8.080.660.710	-
Phải thu cung cấp DV	7.911.515.685	-
Các khoản phải thu khác	169.145.025	-



**Vương Đình Khoát**  
Tổng Giám đốc

**Nguyễn Đắc Đoàn**  
Kế toán trưởng